

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ

Ngày: 02-5-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị

2. Ông Bùi Mạnh Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thái Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – KSV.

Ngày 02 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 409/5 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 166/5 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông T1 qua thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38/2013 ngày 04/7/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến hiện tại vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn với ông T1. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đình D, sinh ngày 06/11/2014 và Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 20/12/2018. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đình D và Nguyễn Thị Yến V. Khi nộp đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng nhưng nay bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: bà T xác định không có. Ngoài ra bà T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đình T1 trình bày: Ông T1 thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống và thời điểm kết hôn. Ông T1 không đồng ý ly hôn. Vì ông T1 còn thương vợ con. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đình D, sinh ngày 06/11/2014 và Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 20/12/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đình D và Nguyễn Thị Yến V. Ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: ông T1 xác định không có. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng đoàn tụ không thành nên đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào cần xem xét tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được bà T yêu cầu ly hôn là phù hợp nên đề nghị chấp nhận. Về con chung giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình T1 có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn, ông T1 đang cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1.

Nhận thấy trong thời gian sống chung giữa bà T và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình. Thời gian gần đây thường xuyên xảy ra tranh cãi nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vào tháng 3/2023 bà T bỏ về bên ruột sinh sống; vợ chồng ly thân từ đó không ai còn quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau. Tòa án tiến hành hòa giải cho bà T và ông T1 trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song cả hai đều không cố gắng hàn gắn, vẫn mạnh ai đó sống, không còn quan tâm tới nhau nữa. Tại phiên tòa, ông T1 cũng vắng mặt cho thấy ông không còn thiết tha đến cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông T1 thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Đình D, sinh ngày 06/11/2014 và Nguyễn Thị Yên V, sinh ngày 20/12/2018. Hiện con chung đang do bà T nuôi dưỡng.

Xét thấy cả bà T và ông T1 đều trình bày có thu nhập ổn định nhưng cả hai đều không cung cấp tài liệu chứng minh; mặt khác trường hợp giao con chung cho bà T và ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng thì con chung sẽ sống chung với cha mẹ của bà T và ông T1 do cả hai đều chưa có nhà riêng. Như vậy về điều kiện vật chất và hoàn cảnh sống bà T và ông T1 đều như nhau. Tuy nhiên cháu Duy có nguyện vọng được sống chung với bà T. Trường hợp tách hai con chung ra thì chúng vừa thiếu thốn tình thương của cha mẹ vừa thiếu thốn tình thương giữa anh chị em. Mặt khác, hiện nay cả 02 con chung do bà T nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường về sức khỏe và tinh thần, việc thay đổi người nuôi dưỡng và môi trường sống ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chung; bà T vẫn đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con chung do đó HĐXX giao cả 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có

[3.]. Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. *Về án phí:* Bà T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Đình T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Đình T1.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đình D, sinh ngày 06/11/2014 và Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 20/12/2018 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông T1 được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008096 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự vắng mặt không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã T
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương